TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2023/DS-PT
Ngày 21-7- 2023
V/v tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm, bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2023/QĐPT-DS ngày 06/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2023/QĐ-PT ngày 30/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Đinh Kỳ C – chức vụ: Giám đốc – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 22, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn 18, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Ông Trần Minh L, sinh năm 1968 và ông Trần Minh T, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Duy B – Văn phòng Luật sư D, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

Địa chỉ: KP.9, phường T, Tp. T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Huy C – Chuyên viên Phòng thanh tra, kiểm tra bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

* *Người kháng cáo:* nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E, bị đơn là ông Nguyễn Văn H.

* Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E là ông Đinh Kỳ C trình bày như sau:*

Ngày 05/7/2007, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E (sau đây gọi tắt là Công ty Cà phê E) với ông Nguyễn Văn H (sau đây gọi tắt là bị đơn) có ký kết Hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp số: 63/39 HĐK. Nội dung hợp đồng: Công ty Cà phê E là bên giao khoán, giao cho ông Nguyễn Văn H là bên nhận khoán, diện tích đất 6000m^2 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp - trồng cà phê vối, thời hạn giao khoán vườn cây từ năm 2007 đến hết năm 2010 (bốn năm); năng suất giao khoán: 12.150 kg quả tươi/ha; định mức thu khoán: 2.720 kg quả tươi/ha cụ thể:

- Năm 2007: 1308 kg (đã trừ khấu hao vườn cây);

- Năm 2008: 1308 kg (đã trừ khấu hao vườn cây);

- Năm 2009: 1308 kg (đã trừ khấu hao vườn cây);

- Năm 2010: 1308 kg đã trừ khấu hao vườn cây);

- Năm 2011: 1257 kg (định mức khoán 1918kg/ha, đã trừ khấu hao vườn cây);

Tổng sản lượng cà phê ông H đã nộp: 6.489 kg;

Năm 2011 Công ty Cà phê E triển khai ký lại hợp đồng khoán giai đoạn 2011-2015, ông H không ký khoán nhưng vẫn nộp đủ sản lượng giao khoán đến năm 2011 nên ông H đương nhiên công nhận phương án khoán 2011-2015. Phần sản lượng giao khoán từ năm 2011 ông H đã thanh toán và còn nợ lại 30kg. Nhưng từ năm 2012 đến 2020 ông H không thực hiện nghĩa vụ nộp sản lượng giao khoán, tiền thuê đất, tiền bảo hiểm xã hội cho Công ty Cà phê E, cụ thể các khoản nợ quy đổi thành tiền công nợ tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

I. Sản lượng cà phê quả tươi, cụ thể như sau:

Nợ năm 2012 gốc 1.230kg,

Nợ năm 2013 gốc 1.230 kg, lãi 187 kg;

Nợ năm 2014 gốc 1.176 kg, lãi 277 kg;

Nợ năm 2015 gốc 1.133 kg, lãi 545 kg;

Nợ năm 2016 gốc 971 kg, lãi 572 kg;

Nợ năm 2017 gốc 971 kg, lãi 689 kg;

Nợ năm 2018 gốc 820 kg, lãi 805 kg;

Nợ năm 2019 gốc 820 kg, lãi 805 kg;

Nợ năm 2020 gốc 820 kg, lãi 1002kg.

Cộng nợ gốc: 9.171 kg, cộng nợ lãi 4.882 kg.

Tổng cộng 14.053 kg *(Mười bốn ngàn không trăm năm ba kg),* quy thành tiền là 14.053 kg x 7.500đồng/kg = 104.585.000 đồng *(Một trăm lẻ tư triệu năm trăm tám lăm ngàn đồng).*

II. Nợ tiền thuê đất nông nghiệp:

Năm 2006 -2010: 546.814 đồng;

Năm 2011+2012: 887.400 đồng;

Năm 2013+2014: 443.700 đồng;

Năm 2015: 411.469 đồng;

Năm 2016: 1.367.749 đồng;

Năm 2017: 1.367.749 đồng

Năm 2018: 1.367.749 đồng;

Năm 2019 :1.474.241 đồng;

Năm 2020: 1.474.241 đồng.

Cộng 9.341.111 đồng (*Chín triệu ba trăm bốn mốt ngàn một trăm mười một đồng).*

III. Nợ tiền bảo hiểm xã hội:

Năm 2017: 22.162.000 đồng;

Năm 2018: 23.534.700 đồng;

Năm 2019: 24.899.400 đồng;

6 tháng đầu năm 2020: 13.089.300 đồng;

Tiền lãi từ năm 2017 đến tháng 5 năm 2020: 16.644.100 đồng.

Cộng 100.329.500 đồng *(Một trăm triệu ba trăm hai chín ngàn năm trăm đồng.*

Tổng cộng các khoản (I+II+III): 214.255.611 đồng *(Hai trăm mười bốn triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm mười một đồng).*

Vì vậy, Công ty Cà phê E yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm trả hết số tiền nợ sản phẩm giao khoán, tiền thuê đất, tiền bảo hiểm xã hội tính từ năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 với số tiền như trên. Tại phiên tòa ông C yêu cầu đối với nợ sản phẩm cà phê quả tươi

mà ông H còn nợ thì Công ty Cà phê E yêu cầu ông H trả bằng tiền theo giá cà phê của thị trường tại thời điểm Tòa án xét xử vụ án.

** Tại bản tự khai ngày 04/11/2021 bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày như sau:*

Năm 1988, ông H vào làm công nhân tại đội 11 Xí nghiệp liên hiệp Cà phê V. Năm 1989, ông H được chuyển về đội 39 Xí nghiệp liên hiệp Cà phê V (nay là đội 39 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E, về đội 39 ông H được nhận chăm sóc 4000m^2 đất có cà phê trồng năm 1987 (Xí nghiệp đầu tư toàn bộ từ phân bón, tưới nước, ông H chỉ là người chăm sóc cây). Năm 1990, Xí nghiệp liên hiệp Cà phê V, do xa nguồn nước nên Xí nghiệp không đầu tư vào phần diện tích cà phê này nữa, cà phê đã chết dần hết. Năm 1991 – 1992, gia đình ông H trồng hoa màu trên diện tích này.

Năm 1993, gia đình ông H đã thu dọn toàn bộ số cà phê đã chết, trồng mới lại toàn bộ cà phê trên diện tích đất. Cũng trong năm này, gia đình ông H đã khai hoang thêm 2.000m^2 đất ven nghĩa địa đồng bào cũ và cũng trồng cà phê lên diện tích này. Khi trồng cà phê ông H tự trồng, tự đầu tư và tự chăm sóc trên phần diện tích này.

Khoảng năm 1998, Công ty đưa vào thu sản phẩm toàn bộ diện tích cà phê mà ông H đã trồng ở trên. Số sản lượng mà Công ty thu của ông H, Công ty thu ngang bằng với sản lượng mà Công ty đầu tư (thu sản lượng từ năm 1998 đến 2007).

Năm 2007-2010, giữa ông H và Công ty tiếp tục ký hợp đồng khoán số 63/39, trong thời gian ký hợp đồng này với Công ty thì gia đình ông H đã đóng bảo hiểm đầy đủ như những gì mà Công ty đưa ra.

Năm 2011 – 2015, Công ty đưa ra phương án khoán mới và yêu cầu gia đình ông H ký nhưng gia đình ông H không đồng ý ký. Vì ông H được biết quy định của Nhà nước là diện tích đất không sử dụng, sử dụng không hiệu quả, khoán trắng kiên quyết thu hồi và giao về cho địa phương quản lý. Ông H cũng được biết là toàn bộ diện tích đất và cà phê mà ông H trồng nằm ngoài ranh giới quản lý của Công ty. Vì vậy, Công ty yêu cầu ông H ký hợp đồng khoán là hoàn toàn trái với quy định của nhà nước nên ông H không tiếp tục ký. Điều này, phía Công ty rõ hơn ông H rất nhiều, bởi các văn bản của nhà nước có hiệu lực từ những năm 2003, 2004 nhưng Công ty vẫn cố tình thực hiện sai và bắt buộc ông H phải ký khoán và nộp sản lượng cho Công ty. Tuy nhiên, do thiếu hiểu biết quy định về bảo hiểm nên lúc Công ty bảo ông H đóng bảo hiểm thì ông H vẫn đóng, ông H đóng hết năm 2016 và về sau thì một số hộ dân ở Công ty cà phê khác cho ông H biết là việc Công ty yêu cầu đóng bảo hiểm vậy là sai quy định và lúc này ông H cũng tìm hiểu thì ông H biết nên ông H không tham gia đóng nữa.

Ông H tham gia bảo hiểm xã hội được 29 năm 10 tháng (thời gian 29 năm 10 tháng là có cả thời gian ông H tham gia trong quân ngũ). Theo quy định thì Công ty phải thực hiện chế độ hưu trí cho ông H. Ông H đã đề nghị công ty trả

sổ bảo hiểm và xác nhận chế độ cho ông H để ông H thực hiện các chế độ bảo hiểm hưu trí của ông H nhưng Công ty chỉ trả sổ bảo hiểm và phất lờ và không giải quyết việc xác nhận chế độ cho ông H. Ông H đã rất nhiều lần yêu cầu công ty thực hiện chế độ cho ông H nhưng Công ty vẫn không giải quyết.

Nay Công ty khởi kiện ông H buộc ông H phải trả hết số tiền sản phẩm giao khoán, tiền thuê đất năm 2012 đến năm 2020; tiền bảo hiểm xã hội từ năm 2016 đến năm 2020, tổng số tiền là 241.255.611 đồng thì ông H không chấp nhận.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Minh Lợi trình bày: Diện tích đất 6000m^2 mà ông H đang sử dụng không nằm trong diện tích đất của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Lắk giao cho Công ty Cà phê E, việc Công ty căn cứ vào Luận chứng kinh tế chưa được các cấp phê duyên để cho ông H thuê khoán và thu sản phẩm của ông H từ năm 1993 đến năm 2010 là không đúng quy định. Đến năm 2012 ông H mới biết diện tích đất mà ông H đang sử dụng không phải đất của Công ty nên ông H không tiếp tục ký hợp đồng thuê khoán với Công ty là đúng. Do đất không phải của Công ty nên hợp đồng thuê khoán giữa Công ty với ông H bị vô hiệu và không có giá trị, vì vậy ông H không có nghĩa vụ nộp sản phẩm và đóng thuế đất cho Công ty là hợp lý. Đối với tiền bảo hiểm xã hội thì ông H nguyên là bộ đội và đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội đến năm 2016 là đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định, theo văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk đã yêu cầu Công ty chốt sổ bảo hiểm cho ông H để ông H được hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định nhưng Công ty không thực hiện là vi phạm Bộ luật lao động. Ngoài ra, từ năm 2011 ông H không tiếp tục ký hợp đồng giao khoán với Công ty nên ông H không có nghĩa vụ nộp bảo hiểm xã hội cho Công ty. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cà phê E.

** Tại văn bản số 1465/BHXH-TTKT ngày 10/8/2022 và biên bản xác minh ngày 20/3/2023 người đại diện của bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk là ông Nguyễn Khắc T và ông Tạ Đức H trình bày:*

Ông Nguyễn Văn H được Công ty Cà phê E lập danh sách tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 01/1995 đến tháng 5/2020 (trước đó ông H có thời gian tham gia Quân đội từ tháng 02/1984 đến tháng 5/1987 và làm việc trong doanh nghiệp được tính hưởng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/1988 đến tháng 12/1994). Ông H đã được Công ty Cà phê E đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đến hết tháng 6/2020 và được Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk cấp sổ bảo hiểm xã hội số 4098048245 để ghi nhận kết quả đóng bảo hiểm xã hội để làm cơ sở cho việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội sau này. Theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội thì số tiền chưa đóng, chậm đóng phải chịu lãi suất theo quy định. Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk cung cấp kèm theo bảng ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội cũng như mức đóng bảo hiểm xã hội theo từng năm của ông Nguyễn Văn H, các văn bản quy định mức lãi suất chậm đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2017 đến năm 2022 để Tòa án được biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 501, 502, 503, 504, 506 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 483, 486, 488, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số: 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003: Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E. Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E tiền nợ sản phẩm từ năm 2012 đến năm 2020, tiền nợ thuế đất từ năm 2006 đến năm 2020 và tiền nợ bảo hiểm xã hội từ năm 2017 đến tháng 6 năm 2020, tổng cộng là 205.457.000 đồng *(Hai trăm lẻ năm triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả nợ lãi sản phẩm từ năm 2012 đến năm 2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/4/2023, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E kháng cáo một phần bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm trên về phần tính lãi đối với khoản nợ sản phẩm cà phê quả tươi từ năm 2012 đến năm 2020 là 4.882kg quy đổi thành tiền theo bản án trên là 50.990.000đ; bị đơn là ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk;

Ngày 17/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra quyết định kháng nghị số 252/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/4/20223 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, giữ nguyên đơn kháng cáo, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết vụ án. Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Nguyên đơn trình bày tranh luận: Yêu cầu nợ vật phải trả bằng vật, chậm trả phải chịu lãi suất bằng tiền vì hợp đồng thỏa thuận phạt vi phạm nếu chậm thực hiện nghĩa vụ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận: Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp, trong trường hợp vụ án này phải xác định quan hệ tranh chấp là yêu cầu bồi thường thiệt hại sản lượng, tiền thuế sử dụng đất và bảo hiểm xã hội ngoài hợp đồng; Cấp sơ thẩm không đưa Tổng Công ty Cà phê V và vợ con của phía bị đơn ông Nguyễn Văn H, UBND huyện C, UBND tỉnh Đắk Lắk vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót; Tòa án cấp sơ thẩm không tổ chức xác minh, thẩm định, đo đạc phần đất giao khoán, chưa xem xét nguồn gốc, cơ sở pháp lý của phần đất giao khoán là thiến sót và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk để xét xử lại.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H: Nhất trí với quan điểm tranh luận của Luật sư và bổ sung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Quyết định số 475/QĐ-TTg ngày 31/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động thì Tổng Công ty Cà phê V là Công ty mẹ. Công ty TNHH một thành viên Cà phê E là Công ty trực thuộc Tổng Công ty Cà phê V. Hàng năm Công ty Cà phê E đều lập phương án khoán sản phẩm và tờ trình về việc phê duyệt phương án thu sản phẩm cà phê để Tổng Công ty Cà phê V phê duyệt. Như vậy Công ty Cà phê E chịu sự quản lý trực tiếp từ Tổng Công ty Cà phê V, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Tổng Công ty Cà phê V tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu xót. Tuy nhiên Công ty có tư cách pháp nhân, được nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện hợp đồng giao khoán, hồ sơ vụ án đã có đầy đủ tài liệu về việc Tổng Công ty duyệt phương án giao khoán hàng năm, nên vi phạm trên không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, cần rút kinh nghiệm chung.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá lập luận, Đại diện viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty TNHH MTV Cà phê E; Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H; Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 252/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/4/2023 của Viện trưởng Viện KSND tỉnh Đắk Lắk. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DSST

ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về nợ lãi sản phẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về hình thức: Nguyên đơn, bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, thì thấy:

Bị đơn cho rằng thửa đất 7364, tờ bản đồ 34 nằm ngoài Giấy CNQSDĐ cấp cho Công ty. Vườn cây cà phê do ông H tự bỏ vốn sản xuất 100% nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty. Ngày 14/8/2021 ông H được UBND huyện C ký Quyết định số 1971/QĐ-UBND cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 7364, diện tích 6670m^2 cho Nguyễn Văn H, nhưng đến ngày 07/12/2021 UBND huyện C đã có Quyết định số 5656/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định 1971 trên và thu hồi Giấy CNQSDĐ cấp cho ông H vì diện tích cấp đất của ông H trùng với diện tích đất của Công ty. Việc ông H cho rằng diện tích ông H đang quản lý sử dụng nằm ngoài diện tích giao khoán nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh.

Năm 1989 ông H được Xí nghiệp Liên hiệp Cà phê V (nay là công ty Cà phê E) tuyển làm công nhân trực tiếp chăm sóc và nhận khoán rẫy cà phê, cụ thể: Ngày 02/5/1993 ông H ký hợp đồng thuê khoán với Công ty Cà phê E với diện tích 0,6 ha và đến năm 2007 ký lại hợp đồng số 63/39/HĐK, ông H nhận khoán 6000m^2 thời hạn từ năm 2007 đến năm 2010 với mức khoán 12.150kg quả tươi/1ha, định mức thu khoán 2.720kg qủa tươi/1ha và người nhận khoán phải nộp tiền Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho Công ty để nộp cho Cơ quan bảo biểm.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã nộp sản phẩm cho Công ty Cà phê E và nộp tiền đóng bảo hiểm từ năm 2007 đến hết năm 2016 không có tranh chấp.

Năm 2010, Công ty Cà phê E triển khai ký lại hợp đồng giai đoạn 2011-2015 theo phương án phê duyệt của Tổng Công ty Cà phê V nhưng ông H không ký và vẫn nộp sản đến hết năm 2011. Từ năm 2012 ông H không nộp sản cho Công ty và không nộp tiền thuê đất cho Công ty mà tiến hành làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay UBND huyện C đã thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử: Buộc ông H phải trả cho Công ty Cà phê

E sản phẩm từ năm 2012 đến năm 2020 là 9.171 kg cà phê quả tươi và tiền thuê đất nông nghiệp đến năm 2020 là 9.341.111 đồng (tính tròn là 9.341.000đ) là có căn cứ.

Về số tiền bảo hiểm xã hội Công ty Cà phê E đã nộp cho ông H gồm Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp và phí công đoàn từ năm 2016 đến năm 2020 là 83.685.400 đồng. Do từ năm 2016 ông H không ký quyết toán thanh lý hợp đồng giao khoán với Công ty Cà phê E nên Công ty không chốt sổ Bảo hiểm cho Hoàn. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử buộc ông H phải trả cho Công ty Cà phê E nợ gốc 83.685.400 đồng và tiền lãi từ năm 2017 đến tháng 6 năm 2020: 16.644.100 đồng, tổng số tiền là 100.329.500đ (tính tròn là 100.330.000đ) là phù hợp. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, thì thấy:

- Về việc đưa Tổng Công ty Cà phê V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Theo quy định thành lập Công ty Cà phê E của Chính Phủ thì Công ty Cà phê E là đơn vị có tư cách pháp nhân, có tài sản riêng, có con dấu riêng, hoạt động độc lập, việc xét xừ vụ án này không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Tổng Công ty Cà phê V.

Mặt khác Luật sư bảo vệ cho bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm không đưa Tổng Công ty Cà phê V và vợ con của phía bị đơn ông Nguyễn Văn H, Uỷ ban nhân dân huyện C, Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk vào tham gia tố tụng nên đề nghị hủy án là không có cở sở, bởi lẽ: Công ty thuê đất từ Nhà nước và ký giao khoán vườn cây cho công nhân có đóng bảo hiểm nên việc kiện đòi sản phẩm không liên quan gì đến chủ thể nêu trên.

Do đó, kháng nghị và kháng cáo của bị đơn đối với nội dung trên là không có cơ sở chấp nhận.

- Về nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng phải tính đến lãi trên nợ sản phẩm cà phê quả tươi vì các bên có thỏa thuận trong hợp đồng và nội dung này trùng với kháng cáo của Công ty Cà phê E, thì thấy:

Tại khoản 3 Điều 279, khoản 4 Điều 482, khoản 6 Điều 488 Bộ Luật Dân sự quy định:

"Điều 279 Thực hiện nghĩa vụ giao vật

3. Bên có nghĩa vụ phải chịu mọi chi phí về việc giao vật, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 482. Trả lại tài sản thuê

4. Khi bên thuê chậm trả tài sản thuê thì bên cho thuê có quyền yêu cầu bên thuê trả lại tài sản thuê, trả tiền thuê trong thời gian chậm trả và phải bồi thường thiệt hại; bên thuê phải trả tiền phạt vi phạm do chậm trả tài sản thuê, nếu có thỏa thuận.

Điều 488. Trả tiền thuê khoán và phương thức trả

6. Thời hạn trả tiền thuê khoán do các bên thỏa thuận, trường hợp các bên không có thỏa thuận thì bên thuê khoán phải thanh toán vào ngày cuối cùng của mỗi tháng; trường hợp thuê khoán theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh thì phải thanh toán chậm nhất khi kết thúc chu kỳ sản xuất, kinh doanh đó."

Tại điểm c khoản 2 Điều 2 Hợp đồng giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp lập giữa Công ty Cà phê E và ông Nguyễn Văn H ngày 05/7/2007 có nội dung: "*Khi bên B (bên nhận khoán) vi phạm hợp đồng thì bên A (bên giao khoán) căn cứ vào mức độ vi phạm để quyết định bồi thường thiệt hại hoặc hủy bỏ hợp đồng*".

Tại Biên bản quyết toán sản lượng và công nợ lập tháng 12/2011 giữa Công ty và hộ nhận khoán ông H thể hiện: *Nợ sản phẩm các năm trước bao gồm cột: Gốc và lãi*. Ông H đã đối chiếu và ký tên xác nhận dưới hộ nhận khoán. Như vậy việc ông H ký biên bản quyết toán sản lượng với công nợ với Công ty nêu trên thể hiện việc ông H biết việc nếu nợ sản lượng khoán hàng năm thì ngoài khoản nợ gốc thì người nhận khoán sẽ chịu lãi sản lượng theo quy định của Công ty. Và tại phiên tòa, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đều trình bày về việc bị đơn biết nghĩa vụ người nhận khoán chậm nộp sản lượng thì phải có nghĩa vụ trả lãi sản sản phẩm.

Xét thấy trong nội dung hợp đồng giao khoán ông H đã ký với Công ty năm 2007 thì mặc dù trong hợp đồng không thỏa thuận lãi suất khi nợ sản phẩm cụ thể, nhưng hợp đồng giao khoán có quy định việc bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng. Ngoài ra, trong quá trình nhận khoán, hàng năm công ty đều có Thông báo đến các hộ nhận khoán biết và thực hiện về mức lãi suất nợ sản phẩm cụ thể. Và có sự thỏa thuận trả lãi vật bằng cà phê quả tươi nên khi ông H đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng giao khoán, Công ty Cà phê E yêu cầu trả lãi nợ sản phẩm là có cơ sở, cần chấp nhận một phần kháng nghị và kháng cáo. Quy đổi cà phê thành tiền tại thời điểm chậm thực hiện nghĩa vụ và tính lãi suất 10%/năm từ khi chậm thực hiện nghĩa vụ đến tháng 6 năm 2020 là phù hợp. Tại phiên tòa Công ty Cà phê E yêu cầu nợ sản phẩm phải trả bằng cà phê để đảm bảo giá trị của tài sản khi thi hành án là phù hợp cần chấp nhận. Như vậy, việc chậm thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm từ 2012 đến năm 2020 là 47.355.137 đồng.

Từ nhưng nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H; Chấp nhận một phần quyết định kháng nghị số 252/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/4/20223 của Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E, cần sửa Bản án sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk theo hướng nhận định trên.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch với mức: 252.915.148 đồng x 5% = 12.645.757 đồng, tính tròn là 12.646.000 đồng.

Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền 5.356.390 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0001893 ngày 22/9/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0017567 ngày 05/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0017571 ngày 10/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xe xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H;

Chấp nhận một phần quyết định kháng nghị số 252/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/4/20223 của Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với phần tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ;

Không chấp nhận một phần quyết định kháng nghị số 252/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/4/20223 của Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đưa Tổng Công ty Cà phê V là người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E;

Sửa Bản án sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 501, 502, 503, 504, 506 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều Điều 279, khoản 4 Điều 482, Điều 483, Điều 486, khoản 6 Điều 488, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số: 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính

phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003: Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E.

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E 9.171kg cà phê quả tươi (tương đương 2.040,2 kg cà phê nhân xô) và 47.355.000đ tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả tiền nợ thuế đất nông nghiệp từ năm 2006 đến năm 2020 số tiền là 9.341.000đ.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ năm 2017 đến tháng 6 năm 2020 số tiền gốc là 83.685.400 đồng và tiền lãi là 16.644.100 đồng, tổng số tiền tính tròn là 100.330.000đ.

Tổng cộng: Ông Nguyễn Văn H phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E 2.040,2kg *(hai ngàn không trăm bốn mươi phẩy hai kilôgram)* cà phê nhân xô và 157.026.000đ *(Một trăm năm mươi bảy triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2]. Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu 12.646.000đ *(Mười hai triệu, sáu trăm bốn mươi sáu ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E không phải chịu án phí dân sơ thẩm và được hoàn trả số tiền 5.356.390 đồng *(Năm triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0001893 ngày 22/9/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0017567 ngày 05/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0017571 ngày 10/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Đình Triết